

QUY CHẾ VÀ VAI TRÒ CỦA VIỆN CÔNG TỔ TẠI CỘNG HÒA PHÁP¹



Nguồn tổng hợp:

- Các cơ quan tư pháp và các vụ kiện, giáo trình của Bà Florence LasserreJeannin, Đại học Luật Pháp ngữ kỹ thuật số, tháng 1 năm 2012.

- Bài phát biểu của Ông Vincent Lamanda, Chánh nhất của Tòa Phán án tại phiên tòa trọng thể của Tòa Phán án ngày 7 tháng 1 năm 2011.

- Bài viết của Ông Christian Raysséguier, Công tố viên cao cấp thứ nhất tại Tòa Phán án trong các Tập san mới của Hội đồng Bảo hiến – Tạp chí học thuyết pháp lý, 2011 trang 281.

- Viện Công tố, ghi chép của Philippe Florès, thẩm phán, Bách khoa toàn thư Dalloz, Tập Tố tụng dân sự.

Lời mở đầu

Tại Pháp, các công tố viên (còn được gọi là thẩm phán công tố, thẩm phán đứng) cùng thuộc ngạch “thẩm phán” như các thẩm phán xét xử (thẩm phán ngồi), có cùng quá trình phát triển chức nghiệp, cùng mức tiền lương và có khả năng chuyển từ thẩm phán trở thành công tố viên và ngược lại nhiều lần trong sự nghiệp.

Trong khi Pháp công nhận nguyên tắc độc lập của thẩm phán, như sự thể hiện thể chế của nguyên tắc tam quyền phân lập nhưng sự độc lập này chỉ được đảm bảo cho các thẩm phán xét xử chứ không phải cho các công tố viên. François

¹ Sử dụng hình ảnh trên trang news.gnet.tn (Civillawinfor)

Hollande, Tổng thống mới đắc cử của Cộng hòa Pháp, đã cam kết từ nay thủ tục bổ nhiệm công tố viên cũng giống như thủ tục bổ nhiệm thẩm phán, điều này góp phần tăng cường sự độc lập của Viện Công tố so với quyền lực chính trị mà vẫn duy trì mối liên hệ thứ bậc giữa Viện Công tố và Bộ Tư pháp.

Phần 1. Quy chế của các thẩm phán thuộc ngạch tư pháp

Thẩm phán thuộc ngạch tư pháp gồm hai loại: các thẩm phán xét xử và các thẩm phán công tố, có quy chế thẩm phán ngạch tư pháp khác nhau.

Hơn nữa, Hội đồng thẩm phán tối cao, một cơ quan độc lập chịu trách nhiệm một phần trong việc tổ chức chức nghiệp của các thẩm phán ngạch tư pháp, nhằm đảm bảo sự độc lập của họ với Chính phủ.

1. Hai loại thẩm phán thuộc ngạch tư pháp

Các thẩm phán, thẩm phán xét xử (thẩm phán ngồi), áp dụng pháp luật, họ chịu trách nhiệm bảo vệ công lý, có nghĩa là xét xử các vụ việc. Các thẩm phán xét xử hoàn toàn độc lập với Chính phủ trong các quyết định của họ.

Các công tố viên, thẩm phán công tố (thẩm phán đứng, Viện Công tố) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực thi đúng pháp luật nhằm bảo vệ các lợi ích công, lợi ích của công chúng; họ được gọi là “thẩm phán đứng”, trái ngược với các thẩm phán ngồi, bởi vì các công tố viên được yêu cầu: đứng: nhân danh xã hội mà họ đại diện. Viện Công tố là người bảo đảm các quyền tự do cá nhân và chịu trách nhiệm việc thực thi tốt pháp luật để bảo vệ các lợi ích của công chúng.

Viện Công tố quyết định truy tố và tiến hành khởi tố để bảo vệ các quyền lợi của xã hội bị xâm phạm trong quá trình điều tra và trong quá trình xét xử.

Là người khởi kiện, Viện Công tố tiến hành buộc tội, áp dụng các phương thức kháng tố chống lại các quyết định của tòa án và yêu cầu thực thi các quyết định cuối cùng của tòa án, đặc biệt là các bản án. Như vậy, Viện Công tố tham dự vào mọi giai đoạn của quá trình tố tụng.

a. Cơ cấu tổ chức của Viện Công tố

Viện Công tố là cơ quan của các thẩm phán chuyên nghiệp được tuyển dụng giống như các thẩm phán xét xử (cùng kì thi của Trường Thẩm phán quốc gia); trong chức nghiệp của mình, các thẩm phán có thể lựa chọn khi thì là công tố viên, khi thì là thẩm phán xét xử.

Viện Công tố phụ thuộc theo thứ bậc vào Chương án, người chịu trách nhiệm về chính sách hình sự của quốc gia. Ngoài ra, Luật ngày 9 tháng 3 năm 2004 đã dành cho Chương án một số quyền hạn: Điều 30 Bộ luật Tố tụng Hình sự hiện nay quy định rằng:

:Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ đạo chính sách công tố do Chính phủ ban hành. Bộ trưởng giám sát tính gắn kết, nhất quán trong việc thực thi chính sách trên lãnh thổ Pháp. Để thực hiện được điều đó, Bộ trưởng ra những chỉ đạo chung về công tố cho các thẩm phán ở Viện Công tố. Bộ trưởng có thể tố giác với Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án và Tòa Phúc thẩm các hành vi vi phạm pháp luật hình sự mà Bộ trưởng biết và ra lệnh cho Viện trưởng Viện Công tố, bằng các chỉ thị bằng văn bản và được chuyển vào hồ sơ thủ tục tố tụng, tiến hành hoặc yêu cầu tiến hành truy tố hoặc khởi tố ra tòa án có thẩm quyền với những bản buộc tội bằng văn bản mà Bộ trưởng thấy thích hợp:

Viện Công tố có tổ chức hình tháp nhưng mang một nét đặc thù: các thẩm phán công tố trước Tòa Phá án không có thứ bậc cao hơn các công tố viên khác.

Trước Tòa Tiểu hình (Tòa Hình sự thuộc Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng), thành phần Viện Công tố gồm Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm và, tùy theo tầm quan trọng của tòa án, được các công tố viên trợ lý, các Phó Viện trưởng và các công tố viên tại Tòa sơ thẩm thẩm quyền rộng hỗ trợ;

Trước Tòa Vi cảnh (Tòa Hình sự thuộc Tòa Sơ thẩm thẩm quyền hẹp), các chức năng của Viện Công tố có thể do một thành viên của Viện Công tố bên cạnh Tòa Tiểu hình thực hiện (bắt buộc đối với các tội vi cảnh cấp độ 5); đối với việc xét xử các tội vi cảnh khác, ở 4 cấp độ đầu, Cảnh sát trưởng của thành phố nơi có tòa án sẽ thực hiện các chức năng của Viện Công tố;

Trước Tòa Phúc thẩm án tiểu hình thuộc Tòa Phúc thẩm, thành phần Viện Công tố gồm Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm được trợ giúp bởi một hoặc nhiều công tố viên cao cấp và các công tố viên tại Tòa Phúc thẩm. Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm có thứ bậc cao hơn các Viện Công tố bên cạnh các Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng trong phạm vi thẩm quyền của Tòa Phúc thẩm; Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm phụ thuộc theo thứ bậc vào Chương án;

Cuối cùng, trước Tòa Phá án, thành phần Viện Công tố gồm Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án, công tố viên cao cấp thứ nhất và các công tố viên cao cấp trong đó sáu người thuộc Tòa Hình sự. Khác với Viện Công tố bên cạnh

các Tòa Phúc thẩm và Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng, Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án, nói một cách chính xác, không tiến hành công tố. Nói chung, Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án là bên phụ tố trong kháng cáo, kháng nghị của các bên hoặc của Viện Công tố bên cạnh các tòa án cấp dưới, trừ trường hợp kháng nghị, kháng cáo vì lợi ích của pháp luật được quy định tại các Điều 620 và 621 của Bộ luật Tố tụng Hình sự theo đó Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án là nguyên đơn. Với tư cách là bên phụ tố, Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án đưa ra một ý kiến độc lập về giải pháp pháp lý mà Viện khuyến nghị các thẩm phán thông qua.

b. Các đặc điểm của Viện Công tố

Viện Công tố mang các đặc điểm sau: Không thể phân chia, theo hệ thống thứ bậc, có thể bãi miễn, không thể cáo tị và không chịu trách nhiệm.

- **Tính không thể phân chia** có nghĩa là các thẩm phán công tố thuộc cùng một Viện Công tố đại diện một cách hợp thức và toàn bộ Viện Công tố; như vậy, các thành viên của cùng một Viện Công tố có thể thay thế cho nhau trong cùng một vụ việc.

Chức năng công tố vượt trên cá nhân mỗi thành viên của Viện Công tố. Tuy nhiên, tính không thể phân chia của Viện Công tố không cản trở một thẩm phán công tố, người trở thành thẩm phán ngồi, xét xử một vụ việc mà Viện không tham gia.

- **Hệ thống thứ bậc của Viện Công tố thể hiện trên hai phương diện.** Có hai hệ thống song song: một hệ thống thứ bậc bên trong các Viện Công tố và một hệ thống thứ bậc với tổ chức chung của các Viện Công tố.

Như vậy, các thành viên của Viện Công tố được tổ chức theo thứ bậc bên trong cùng một Viện Công tố và do đó phải tuân theo các chỉ thị của các cấp cao hơn. Người đứng đầu của Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng là Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm, người lãnh đạo Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm là Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm.

Như vậy, theo Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự: *Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm giám sát việc thi hành pháp luật hình sự trong toàn bộ phạm vi thẩm quyền của Tòa Phúc thẩm và đảm bảo cho các Viện công tố thuộc thẩm quyền vận hành tốt. Để thực hiện điều này, Viện trưởng thúc đẩy và phối hợp hoạt động của các Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm cũng*

như sự chỉ đạo về chính sách công tố của các Viện công tố thuộc phạm vi thẩm quyền của Viện trưởng... Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm trình Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm bản báo cáo hàng năm về hoạt động và quản lý Viện Công tố cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật....

Tương tự, Điều 36 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm có thể ra lệnh cho Viện trưởng các Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm, các chỉ thị bằng văn bản và được chuyển vào hồ sơ thủ tục tố tụng, tiến hành hoặc yêu cầu tiến hành truy tố hoặc khởi tố ra tòa án có thẩm quyền với những bản buộc tội bằng văn bản mà Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm thấy thích hợp.*

Song, mặc dù có sự phụ thuộc theo thứ bậc, Điều 33 Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định quyền tự do phát biểu của Viện Công tố tại phiên tòa, nơi mà: công tố viên tự do đưa ra, phát triển những nhận xét bằng lời mà họ thấy phù hợp với công lý, Điều này được thể hiện qua ngôn ngữ: *“bút sa gà chết nhưng lời nói gió bay”*.

- Đặc điểm có thể bị bãi miễn của Viện Công tố là hệ quả của sự phụ thuộc theo thứ bậc. Trên thực tế, các thẩm phán đứng của Viện Công tố, phải tuân theo các cấp cao hơn, có thể bị bãi miễn và cách chức. Hơn nữa, trái ngược với các thẩm phán xét xử, các thẩm phán công tố có thể bị Chương ấn chuyển, giáng cấp và thậm chí bị cách chức sau khi tham khảo ý kiến của phân ban có thẩm quyền của Hội đồng thẩm phán tối cao.

- Đặc điểm không thể cáo tội của Viện Công tố xuất phát từ việc Viện Công tố là một bên chính tố và cần thiết cho vụ án hình sự. Do đó, Viện không thể bị cáo tội (Khoản 2 Điều 669 Bộ luật Tố tụng Hình sự), trái ngược với thẩm phán xét xử có thể bị cáo tội do những căn cứ xác định còn các bồi thẩm Tòa Đại hình có thể bị cáo tội không cần căn cứ và lí do. Trên thực tế, Viện Công tố được coi như một bên của vụ án và người bào chữa không thể cáo tội đối phương của mình.

- Đặc điểm không phải chịu trách nhiệm của Viện Công tố được giải thích bằng việc Viện Công tố không phải là một bên thông thường của vụ án hình sự và do đó, nếu thẩm phán xét xử không đồng ý với các yêu cầu của Viện, Viện Công tố không thể bị tuyên phạt bồi thường thiệt hại. Viện Công tố *“không bị quy trách nhiệm”*.

Như vậy, do sự phụ thuộc theo thứ bậc và đặc điểm có thể bị bãi miễn của Viện Công tố, sự độc lập của Viện chỉ mang tính tương đối. Nicolas Sarkozy, cựu Tổng thống Pháp, đã nói đến “sự tự chủ tương đối”.

Tuy nhiên, Viện Công tố có một sự tự chủ thực sự được thể hiện rõ qua bốn yếu tố quan trọng (Điều 5 Nghị định số 58-1270 ngày 22 tháng 12 năm 1958, về Luật tổ chức về quy chế ngạch thẩm phán; các Điều 30, 33 và 34 Bộ luật Tố tụng Hình sự):

- Lý thuyết về các quyền hạn riêng, mà theo đó, mọi hành vi, văn bản của một thẩm phán công tố đều phát sinh toàn bộ hiệu lực, ngay cả khi nó mâu thuẫn với một chỉ thị của cấp trên theo thứ bậc của thẩm phán công tố;
- Nguyên tắc quyền tự do phát biểu tại phiên tòa của các thẩm phán công tố;
- Quy định cấm Chưởng ấn ngăn cấm tiến hành truy tố trong một vụ việc mà Chưởng ấn cho rằng nên chấm dứt, không giải quyết được nữa;
- Sự độc lập so với các tòa án và các bên tranh tụng, điều này ngăn cấm tòa án ra lệnh và chỉ trích cũng như cáo tội Viện công tố.

Sự độc lập tương đối của Viện công tố sẽ được đề cập một cách đầy đủ hơn sau đây.

(Phần 2 § 1).

2. Hội đồng thẩm phán tối cao: CSM

Hội đồng thẩm phán tối cao là cơ quan hiến định độc lập chịu trách nhiệm trung gian giữa các thẩm phán và Chính phủ trong tất cả các quyết định liên quan đến chức nghiệp của các thẩm phán, dù đó là sự thăng tiến hay kỉ luật.

a. Thành phần của Hội đồng thẩm phán tối cao

Sự độc lập của ngạch thẩm phán phụ thuộc vào thành phần của Hội đồng này. Trên thực tế, số thành viên của CSM là các chính trị gia càng tăng thì sự độc lập của các thẩm phán càng giảm. Thành phần của CSM đã có nhiều thay đổi xuất phát từ ý tưởng làm cho các thẩm phán độc lập với quyền lực chính trị. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm phán tối cao có ít quyền hạn đối với các công tố viên hơn so với các thẩm phán xét xử.

Từ năm 1993, Hội đồng thẩm phán tối cao đã là đối tượng cải cách, sửa đổi sâu sắc mà nét độc đáo nhất là thành lập ra hai phân ban trong Hội đồng để có thể thể hiện tính đặc thù và chuyên biệt của hai phân loại thẩm phán thuộc ngạch tư pháp. Như vậy, cho đến ngày 22 tháng 1 năm 2011, CSM có tổng số 18 thành viên, mỗi phân ban có 12 thành viên gồm Tổng thống Pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, một thành viên Tham chính viện, ba cá nhân bên ngoài và sáu thẩm phán xét xử hoặc sáu thẩm phán công tố được bầu bởi các đồng nghiệp của họ cho nhiệm kỳ bốn năm.

Kể từ ngày 22 tháng 1 năm 2011, Hiến pháp cải cách năm 2008 đã thay đổi thành phần của Hội đồng thẩm phán tối cao. Tổng thống không còn làm chủ tọa của Hội đồng và từ nay, Hội đồng được chủ tọa bởi Chánh nhất Tòa Phá án đối với phân ban có thẩm quyền với các thẩm phán xét xử và bởi Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án đối với phân ban có thẩm quyền với các thẩm phán công tố. Hội đồng toàn thể được chủ tọa bởi Chánh nhất Tòa Phá án.

Điều 65 Hiến pháp quy định từ nay:

“Hội đồng thẩm phán tối cao bao gồm một phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử và một phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán công tố.

Phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử được Chánh nhất Tòa Phá án chủ tọa. Phân ban gồm năm thẩm phán xét xử và một thẩm phán công tố, một thành viên của Tham chính viện do Tham chính viện chỉ định, một luật sư cũng như sáu cá nhân đủ tư cách, chuyên môn không thuộc Nghị viện, ngạch tư pháp hay ngạch hành chính. Tổng thống, Chủ tịch Thượng viện và Chủ tịch Hạ viện chỉ định mỗi người hai cá nhân đủ tư cách, chuyên môn. Thủ tục quy định tại khoản cuối Điều 13 được áp dụng để bổ nhiệm những cá nhân đủ tư cách, chuyên môn. Những sự bổ nhiệm do chủ tịch của mỗi viện tiến hành chỉ phải tuân theo ý kiến của Ủy ban thường trực có thẩm quyền của viện có liên quan.

Phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán công tố được Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án chủ tọa. Phân ban gồm năm thẩm phán công tố và một thẩm phán xét xử, cũng như một thành viên của Tham chính viện, một luật sư và sáu cá nhân đủ tư cách, chuyên môn đã nêu ở khoản hai”. Như vậy, mỗi phân ban bao gồm:

- 6 thẩm phán (5 thẩm phán và 1 công tố viên hoặc 5 công tố viên và 1 thẩm phán);
- 8 cá nhân bên ngoài ngạch thẩm phán (1 thành viên của Tham chính viện, 1 luật sư, 6 cá nhân đủ tư cách, chuyên môn).

Với thành phần mới của Hội đồng, các thẩm phán trở thành thiểu số trong cấp cơ quan đưa ra ý kiến về tiến trình chức nghiệp của họ, trái ngược với quy định ở các nước khác, đặc biệt là ở châu Âu.

b. Các quyền hạn của Hội đồng thẩm phán tối cao

Ngoài các quyền hạn truyền thống là bổ nhiệm và kỷ luật các thẩm phán, Hội đồng thẩm phán tối cao còn có khả năng đưa ra các ý kiến và bày tỏ quan điểm về những vấn đề liên quan đến quy chế hành nghề của các thẩm phán và về những vấn đề liên quan đến sự vận hành của công lý:

“Hội đồng thẩm phán tối cao họp phiên toàn thể để giải quyết các yêu cầu xin ý kiến của Tổng thống theo Điều 64.

Hội đồng, thành phần đầy đủ, bày tỏ ý kiến về các vấn đề liên quan đến quy chế hành nghề của các thẩm phán cũng như mọi câu hỏi liên quan đến sự vận hành của công lý mà Bộ trưởng Bộ Tư pháp đưa ra hội đồng. Thành phần đầy đủ gồm ba trong số năm thẩm phán xét xử nêu ở khoản thứ hai, ba trong số năm thẩm phán công tố nêu ở khoản thứ ba, cũng như thành viên Tham chính viện, luật sư và sáu cá nhân đủ tư cách, chuyên môn nêu ở khoản thứ hai. Hội đồng thành phần đầy đủ, toàn thể do Chánh nhất Tòa Phá án chủ tọa, Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án có thể thay thế.

Ngoại trừ lĩnh vực kỷ luật, Bộ trưởng Bộ tư pháp có thể tham gia các phiên họp của các phân ban Hội đồng thẩm phán tối cao”. (Điều 66 Hiến pháp)

Các quyền hạn truyền thống của Hội đồng thẩm phán đối với chức nghiệp và kỷ luật của các thẩm phán khác nhau tùy theo phân ban.

- Các thẩm phán xét xử được bổ nhiệm một chức vụ khác hoặc lên cấp cao hơn dựa trên đề xuất của Bộ Tư pháp với một “ý kiến phù hợp” của phân ban có thẩm quyền của Hội đồng thẩm phán tối cao đối với họ. Các thẩm phán chỉ có thể được bổ nhiệm lên các chức vụ cao nhất dựa trên “đề xuất” của Hội đồng. Trong trường hợp này, Bộ Tư pháp không còn là người đề xuất; Hội đồng thẩm phán tối cao nắm hoàn toàn quyền lựa chọn thẩm phán. Đó là trường hợp các

thành viên của Tòa Phá án, các chánh nhất của Tòa Phúc thẩm và các chánh án của Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng. Từ góc nhìn kỹ luật, phân ban có thẩm quyền tạo thành một tòa án thực sự đưa ra các quyết định tối cao áp dụng cho tất cả, kể cả Chính phủ.

Liên quan đến bổ nhiệm các thẩm phán xét xử, Hiến pháp sửa đổi năm 2008 quy định:

“Phân ban của Hội đồng thẩm phán tối cao có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử đưa ra các đề nghị để bổ nhiệm các thẩm phán xét xử tại Tòa Phá án, để bổ nhiệm chánh nhất Tòa Phúc thẩm và để bổ nhiệm chánh án của Tòa Sơ thẩm thẩm quyền rộng. Các thẩm phán xét xử khác được bổ nhiệm dựa trên ý kiến phù hợp của hội đồng”. (Điều 65)

Và liên quan đến kỹ luật của các thẩm phán xét xử:

“Phân ban của Hội đồng thẩm phán tối cao có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử quyết định như hội đồng kỹ luật của các thẩm phán xét xử. Do đó hội đồng bao gồm, ngoài các thành viên quy định tại khoản thứ hai, thẩm phán xét xử thuộc phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán công tố”. (Điều 65)

Việc thêm thẩm phán xét xử thuộc phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán công tố trong hội đồng kỹ luật của các thẩm phán xét xử cho phép các thẩm phán có số lượng bằng với các cá nhân bên ngoài, có tính đến sự chủ tọa của Chánh nhất Tòa Phá án.

- Đối với các thẩm phán công tố, phân ban có thẩm quyền đối với họ có những quyền hạn hạn chế hơn rất nhiều so với phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử. Trên thực tế, liên quan đến việc bổ nhiệm, phân ban chỉ đưa ra một “ý kiến” đơn giản mà Chính phủ không bắt buộc phải tuân theo. Việc bổ nhiệm chức vụ Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án hoặc Tòa Phúc thẩm, được quyết định tại Hội đồng Bộ trưởng, điều này chứng tỏ một mối liên kết chính trị rất chặt chẽ, ngay cả khi Hội đồng thẩm phán tối cao cũng đưa ra “ý kiến”. Tương tự đối với các truy tố kỹ luật: phân ban có thẩm quyền không quyết định như một tòa án, phân ban chỉ đưa ra “ý kiến” đệ trình Bộ trưởng, trong một số điều kiện, có toàn quyền tự do quyết định.

Khi muốn đưa ra một hình phạt nặng hơn hình phạt do phân ban có thẩm quyền đưa ra cho các thẩm phán công tố, Chương án đưa ra phân ban dự thảo quyết định có căn cứ của mình. Sau khi nghe những nhận xét của thẩm phán có liên

quan, phân ban này xem xét đưa ra ý kiến mới và ý kiến này sẽ được chuyển vào hồ sơ của thẩm phán đó.

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp được thông báo cho thẩm phán có liên quan dưới hình thức hành chính. Quyết định này có hiệu lực từ ngày thông báo. Hiến pháp sửa đổi năm 2008 đã thay đổi một chút các quy định trong lĩnh vực bổ nhiệm và kỷ luật các thẩm phán công tố:

“Phân ban của Hội đồng thẩm phán tối cao có thẩm quyền đối với các thẩm phán công tố đưa ra ý kiến của mình về các bổ nhiệm liên quan đến các thẩm phán công tố.

Phân ban của Hội đồng thẩm phán tối cao có thẩm quyền đối với các thẩm phán công tố đưa ra ý kiến của mình về các hình phạt kỷ luật liên quan đến họ. Do đó, phân ban bao gồm, ngoài các thành viên quy định tại khoản thứ ba, thẩm phán công tố thuộc phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử.” (Điều 65)

Việc thêm thẩm phán công tố thuộc phân ban có thẩm quyền đối với các thẩm phán xét xử trong hội đồng kỷ luật của các thẩm phán công tố cho phép các thẩm phán có số lượng ngang bằng với các cá nhân bên ngoài, có tính đến sự chủ tọa của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án.

c. Hội đồng thẩm phán tối cao thụ lý vụ kiện của đương sự

Kể từ ngày 23 tháng 1 năm 2011, áp dụng Hiến pháp sửa đổi năm 2008 và luật tổ chức ngày 22 tháng 7 năm 2010, đương sự có thể kiện lên Hội đồng thẩm phán tối cao.

Chánh nhất Tòa Phá án đã miêu tả quy định mới trong bài phát biểu khai mạc trọng thể ngày 7 tháng 1 năm 2011:

“Cho đến hiện nay, do thiếu một cơ quan duy nhất, được xác định rõ ràng, những khiếu nại chống lại các thẩm phán được gửi đến Tổng thống, Chương án hoặc các nghị sĩ, nhiều hơn là đến lãnh đạo của tòa hoặc của cấp xét xử là những người sẽ xử lý những khiếu nại đó tốt hơn. Việc trực tiếp đưa ra Hội đồng tối cao góp phần mang đến một câu trả lời đồng nhất hơn và rõ ràng hơn cho những tố giác mà cho đến nay, mới chỉ được xử lý một cách thiếu minh bạch. Hơn là, những tố giác thông thường không chính đáng hoặc không có căn cứ này thường thể hiện sự không thấu hiểu các cơ chế tố tụng hoặc sự kích phát của nỗi thất vọng vì những yêu cầu, trông đợi không được thỏa mãn. Tuy nhiên,

không được bỏ qua những tố giác này, đôi khi chúng phát giác ra hoạt động không hợp lệ của ngành tư pháp, thoát khỏi sự theo dõi của những người chịu trách nhiệm.

Tuy nhiên, giống như những gì diễn ra tại một số quốc gia, để tránh trường hợp khả năng đưa ra Hội đồng tối cao các tố giác? của đương sự trở thành một công cụ gây áp lực lên quyết định của thẩm phán, việc thiết lập một quy định kiểm tra tính nghiêm trọng của các tố giác trở nên cần thiết.

Tại Vương quốc Anh, Hiến pháp sửa đổi năm 2005 và các văn bản áp dụng đã thành lập một văn phòng khiếu nại chịu trách nhiệm hỗ trợ Chương ấn và Chánh án Tòa án tối cao trong việc kiểm tra các khiếu nại tố cáo.

Tại Canada, Hội đồng thẩm phán tối cao tiến hành điều tra về sự việc làm căn cứ cho khiếu nại trước khi chuyển khiếu nại, nếu có thể, đến Bộ trưởng Bộ tư pháp liên bang, người duy nhất có thẩm quyền tiến hành truy tố.

Tại Italia, Hội đồng tối cao trực tiếp nhận các khiếu nại và gửi những khiếu nại tỏ ra đáng được xem xét đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án, người có quyền tiến hành kỉ luật.

Quy định của Pháp cũng tương tự. Một ủy ban tiếp nhận khiếu nại được thành lập để lọc bỏ những khiếu nại rõ ràng là vô căn cứ hoặc không thể chấp nhận. Cơ quan này gồm 4 thành viên của Hội đồng thẩm phán tối cao, hai cá nhân đủ tư cách, chuyên môn và hai thẩm phán được Chủ tịch Hội đồng chỉ định hàng năm.

Ngay khi ủy ban tiếp nhận khiếu nại quyết định đưa ra phân ban kỉ luật, các thành viên của ủy ban không được tham dự, để đảm bảo tính công minh của thành phần phân ban kỉ luật. Ngoài ra, nhà lập pháp đã quy định rằng khiếu nại không thể chống lại thẩm phán đang thụ lý vụ kiện. Hơn nữa, khiếu nại không còn được đưa ra một cách hợp thức sau khi hết thời hạn một năm kể từ khi có quyết định không thể hủy bỏ chấm dứt trình tự tố tụng. Trên thực tế, điều quan trọng là tránh việc tố cáo của đương sự dẫn đến xem xét lại quyết định mà thẩm phán bị chỉ trích đưa ra. Cần phải nhắc lại rằng quyết định của cơ quan tài phán, chỉ có thể bị phản đối thông qua tiến hành các phương thức kháng tố được pháp luật quy định tạo thuận lợi cho các bên của tranh chấp, không nằm trong phạm vi kỷ luật. Nếu quy định khác đi, có nguy cơ lớn là những người biện hộ không ngay tình có khả năng làm chậm lại phán quyết của vụ kiện, khiến thẩm phán

mất ổn định và xâm phạm đến các nguyên tắc về hiệu lực phán quyết và bí mật của các cuộc thảo luận trong trường hợp quyết định tập thể. Hơn nữa, khó có thể tưởng tượng được hai chế độ khác nhau cùng tồn tại, tùy thuộc thẩm phán ra quyết định độc lập hay với nhiều đồng nghiệp trong một hội đồng xét xử.

Sự độc lập của thẩm phán phải được bảo vệ với sự theo dõi. Đối với thẩm phán, đó không phải là đặc quyền mà là một trách nhiệm đối với chính họ cũng như đối với những người khác. Để thực hiện tốt nhiệm vụ mới này, Hội đồng tối cao phải có những phương tiện thích hợp. Một cơ chế ủy quyền điều tra xem xét đã được quy định. Ủy ban tiếp nhận khiếu nại xin các ý kiến nhận xét và mọi yếu tố thông tin hữu ích từ lãnh đạo của tòa hoặc của cấp xét xử mà thẩm phán đang bị xem xét phụ thuộc vào. Tuy nhiên, ủy ban có thể nghe thẩm phán cũng như đương sự trình bày. Như tôi đã gợi ý, mong rằng ủy ban tiếp nhận có thể, trong một số trường hợp, giao việc thẩm tra cho một thành viên cũ của Hội đồng, một thẩm phán tại Tòa Phá án hoặc một thẩm phán có cấp bậc ít nhất là bằng cấp bậc của thẩm phán liên quan.

Thực tiễn áp dụng chắc chắn sẽ phải bổ sung một cách thông thái phụ thuộc vào các nhu cầu phát sinh từ sự đa dạng của các tình huống gặp phải. Bằng cách đưa ra một cơ quan chỉ dẫn bổ sung cho những khó khăn về tổ chức hoặc quản lý các nguồn nhân lực có thể tồn tại trong một số cấp xét xử, việc đương sự trực tiếp đưa ra Hội đồng tối cao tạo cho Hội đồng tối cao khả năng tự đảm bảo sự quản lý tốt các tòa, và như vậy hoàn thiện các thông tin của Hội đồng để tiến hành nhiệm vụ bổ nhiệm được giao.

Nhưng sự kiểm tra các khiếu nại không được khiến cho quyền hạn mới này của Hội đồng tối cao chỉ mang tính hình sự (hay hình thức?). Việc phòng ngừa các tình huống có thể trệch hướng thành những hành vi sai trái cũng đáng được khuyến khích. Mặt khác, Điều 65 Hiến pháp, xuất phát từ sửa đổi ngày 23 tháng 7 năm 2008, quy định rằng Hội đồng quyết định các vấn đề liên quan đến quy chế hành nghề của các thẩm phán. Do đó, tôi đề nghị với các thành viên của cơ quan này giao cho một ủy ban độc lập, đặt dưới sự bảo hộ của Hội đồng, chịu trách nhiệm trả lời những câu hỏi của các thẩm phán và cho họ mọi lời khuyên hoặc sự hỗ trợ hữu ích, mà vẫn giữ tính bảo mật của những trao đổi”.

Theo yêu cầu của nhà lập pháp, Hội đồng thẩm phán tối cao đã soạn thảo vào năm 2010, một tập các nghĩa vụ theo quy chế hành nghề của các thẩm phán, trong đó quy định rõ ràng sáu nguyên tắc áp dụng cho các thẩm phán xét xử

cũng như thẩm phán công tố: sự độc lập, tính công minh, sự thanh liêm, tính hợp pháp, sự quan tâm đến những người khác, sự tế nhị và thận trọng trong phát ngôn.

Phần 2. Vai trò của Viện Công tố trong lĩnh vực điều tra và truy tố

Những hoạt động chính, cơ bản của nghề công tố bao gồm: tiếp nhận các khiếu nại, đưa ra một cơ quan điều tra, chỉ huy và kiểm soát cuộc điều tra, tiến hành truy tố tùy nghi, buộc tội tại phiên tòa, thi hành hình phạt, đồng quản lý cấp xét xử, tất cả những hoạt động này diễn ra trong một khuôn khổ có cấu trúc và thứ bậc, đó là một đặc điểm không thay đổi của Viện Công tố trong các hệ thống luật thành văn.

1. Viện Công tố chỉ đạo các cuộc điều tra của cảnh sát

Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm chỉ đạo hoạt động của các sĩ quan và nhân viên cảnh sát tư pháp; Viện trưởng có quyền tự do lựa chọn cơ quan điều tra nhưng không chi phối các điều kiện, yêu cầu của công việc đối với đội ngũ nhân sự (Điều D13 Bộ luật Tố tụng Hình sự).

Hội đồng Bảo hiến đã quy định rằng (Quyết định số 2011-625 DC ngày 10 tháng 3 năm 2011, xem số 59) *“xuất phát từ Điều 66 Hiến pháp cảnh sát tư pháp phải được đặt dưới sự chỉ đạo và kiểm soát của cơ quan tư pháp; để đạt được mục đích đó, Bộ luật Tố tụng hình sự, đặc biệt là trong các Điều từ 16 đến 19-1, đảm bảo sự kiểm soát trực tiếp và hiệu quả của cơ quan tư pháp đối với các sĩ quan cảnh sát tư pháp chịu trách nhiệm thực thi các quyền hạn điều tra tư pháp và áp dụng các biện pháp cưỡng chế cần thiết để tiến hành điều tra”*.

Theo quy định tại Điều 66 Hiến pháp, về nguyên tắc, cơ quan tư pháp là người bảo vệ các quyền tự do cá nhân. Căn cứ này rất quan trọng bởi vì một cách rõ ràng, nó gán một giá trị hiến định cho quyền chỉ đạo và kiểm soát cảnh sát tư pháp của cơ quan tư pháp, mà việc thực hiện chuyên môn được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng Bảo hiến cũng dựa vào các Điều 16 và 19-1 của Bộ luật, đặc biệt là quy định về việc trao quyền hạn cho sĩ quan cảnh sát tư pháp (OPJ) và sự đánh giá, nhận xét của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án và Tòa Phúc thẩm đối với OPJ. Điều 19 quy định sĩ quan cảnh sát tư pháp có nghĩa vụ thông báo không chậm trễ với Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm về những trọng tội, tội phạm ít nghiêm trọng và tội vi cảnh mà sĩ quan biết, Điều 17 dẫn chiếu đến các quy định liên quan đến các cuộc điều tra

sơ bộ và bắt quả tang trong đó Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm đóng vai trò người chỉ đạo và kiểm soát cuộc điều tra.

Sự xử lý theo thời gian thực (TTR) các thủ tục tố tụng hình sự của Viện Công tố đã được đưa vào cuối những năm 80. Cách xử lý này bắt buộc các điều tra viên báo cáo một cách có hệ thống bằng điện thoại cho Viện Công tố về sự tiến triển của một cuộc điều tra và cho phép Viện Công tố đưa ra ngay một định hướng hình sự cho các vụ việc trực tiếp cho người chịu trách nhiệm của cuộc điều tra.

Các phương thức tiến hành truy tố đã được thay đổi một cách đáng kể. Cách đây 30 năm, trong lĩnh vực hình sự chỉ có ba khả năng giải quyết: đưa ra tòa án bằng cách triệu tập trực tiếp, đưa ra thẩm phán điều tra bằng yêu cầu điều tra, hoặc quyết định đình chỉ vụ án “tùy nghi”. Sau đó, khả năng giải quyết đã mở rộng một cách đáng kể. Ngày nay, kỹ thuật truy tố tuân thủ đồng thời logic xử lý các vụ việc, hồ sơ – tức là sự lựa chọn giữa những phương thức khác nhau tùy thuộc vào mức độ hồ sơ tồn đọng – và sự thích nghi của giải pháp giải quyết hình sự phù hợp với cá nhân người phạm tội, với thiệt hại của nạn nhân và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà tội phạm gây ra. Trong số các giải pháp có thể, Viện Công tố có thể lựa chọn giữa nhắc nhở, cảnh cáo người vi phạm pháp luật, quyết định đình chỉ có điều kiện, thỏa thuận áp dụng biện pháp thay thế xử lý hình sự, trung gian hòa giải hình sự, quyết định hình sự tội phạm, triệu tập bởi sĩ quan cảnh sát tư pháp, truy tố ngay lập tức, triệu tập bằng biên bản tố tụng, truy tố dựa trên nhận tội trước (*“bên biên hộ có tội”*). Viện Công tố dựa trên những người được công tố viên ủy quyền đặt dưới sự chỉ đạo của Viện để áp dụng các biện pháp thay thế truy tố hình sự, được gọi là *“phương thức thứ ba”*.

Hoạt động của các Viện Công tố đặc biệt được đánh giá bằng một chỉ tiêu thành tích, *“tỉ lệ giải quyết hình sự”*, được giám sát chặt chẽ bởi Bộ trưởng Bộ Tư pháp, người chịu trách nhiệm về “chính sách công tố” trước Nghị viện. Tỉ lệ giải quyết hình sự này là tỉ lệ giữa số vụ đã được giải quyết hình sự, đã tiến hành truy tố trước tòa án hoặc áp dụng một biện pháp thay thế truy tố do Viện Công tố quyết định, với số vụ “có thể được truy tố” (những vụ có một người bị tố cáo xác định). Hiện nay, tỉ lệ giải quyết hình sự này hiếm khi thấp hơn 90%.

Những đạo luật ban hành liên tiếp đã làm tăng một cách đáng kể các quyền hạn điều tra của Viện Công tố, đó là quyền lực riêng của Viện hoặc giống như một cơ quan công quyền gần như độc quyền đưa ra thẩm phán về tự do và giam giữ (JLD) để có được quyết định cưỡng chế ra tòa và lệnh truy nã, giám sát người

bị nghi phạm tội, kiểm tra hàng hóa chuyển giao trong lĩnh vực phòng chống ma túy, gia hạn tình trạng quả tang, yêu cầu kiểm tra căn cước hoặc khám xét phương tiện, khám xét không có sự đồng ý hay khám xét ban đêm trong lĩnh vực tội phạm có tổ chức.

2. Vấn đề về sự độc lập của Viện Công tố của Pháp, đặc biệt liên quan đến sự kiểm soát việc tạm giữ

Một số chuyên gia cho rằng Chương án cần đảm bảo một sự cân bằng hài hòa giữa, những chính sách công được xác định bởi các Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phúc thẩm và thực hiện bởi lãnh đạo các Viện Công tố chính - chính là các Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm – với sự công nhận thẩm quyền đầy đủ và sự tự chủ của các thẩm phán công tố để thực hiện nhiệm vụ chính của họ là xử lý các khiếu kiện, chỉ đạo điều tra, truy tố những người phạm tội, và thi hành các hình phạt.

Tuy nhiên, tăng cường các quyền hạn và vai trò của Viện Công tố Pháp phải đi kèm với việc xem xét lại quy chế thẩm phán của Viện, đặc biệt là trong giai đoạn tạm giữ, nghĩa là tước quyền tự do bằng cách tạm giữ tại cơ sở của cơ quan điều tra trong vòng 24 tiếng, được gia hạn một lần, hoặc 48 tiếng đối với những vụ việc trong lĩnh vực quy định chung của pháp luật.

Những chỉ trích đã được cả Tòa án Nhân quyền châu Âu, Hội đồng Bảo hiến và Tòa Phá án đưa ra.

Trong năm 2010, Tòa án Nhân quyền châu Âu đã khẳng định rằng Viện Công tố của Pháp không phải là một cơ quan tư pháp có đủ tư cách để kiểm soát việc tạm giữ (vụ *Medvedyev*), và Hội đồng Bảo hiến (quyết định ngày 30 tháng 7 năm 2010), và sau đó là Tòa Hình sự (ba bản án ngày 19 tháng 10 năm 2010, số 10-82.306, 10-82.902 và 1082.051) đã hủy bỏ một phần quyền tạm giữ, tương ứng với giai đoạn can thiệp chủ động của Viện Công tố, bởi vì Viện Công tố kiểm soát tiến trình tạm giữ.

Ngày 15 tháng 12 năm 2010 (Bản án của Tòa Hình sự thuộc Tòa Phá án ngày 15 tháng 12 năm 2010, số 10-83.674), Tòa Hình sự thuộc Tòa Phá án đã tuyên bố, từ thực tế rằng Viện *“không thể hiện những đảm bảo về tính độc lập và công minh mà Công ước này yêu cầu và Viện là một bên công tố”*, theo quy định tại Điều 5, §3 Công ước châu Âu về Nhân quyền, Viện Công tố không phải là “một thẩm phán xét xử hay một thẩm phán khác có đủ tư cách theo pháp luật để thực

hiện các chức năng tư pháp” mà *“mọi cá nhân bị bắt giữ hoặc tạm giam phải được đưa ra trước thẩm phán đó ngay.”* Nói một cách khác, Viện Công tố không có tư cách của một *“thẩm phán có đủ tư cách theo pháp luật để thực hiện những chức năng tư pháp”*, cho phép Viện kiểm soát một cách hợp thức việc tạm giữ.

Bản án *Medvedyev* của Tòa án Nhân quyền châu Âu (Bản án của Tòa án Nhân quyền châu Âu; hội đồng xét xử lớn, *Medvedyev* và những người khác chống lại nước Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 2010, số 3394/03) đã kết luận rằng Viện Công tố của Pháp không thể hiện những đảm bảo về tính độc lập như mong muốn để có thể kiểm soát những biện pháp tạm giữ, theo quy định tại Điều 5 § 3 của Công ước châu Âu về Nhân quyền mà theo đó mọi cá nhân bị bắt bị *“đưa ngay ra trước một thẩm phán”*.

Một cách cụ thể hơn, khác với những căn cứ của quyết định được đưa ra vào phiên ngày 10 tháng 7 năm 2008, Tòa án giải thích rõ ràng rằng, dù các quy định của quy chế có thể xác định những chức năng của Viện Công tố, Viện không thể hiện, về bản chất, tính độc lập cần thiết để thực thi quyền kiểm soát tư pháp đối với việc tạm giữ bởi vì Viện Công tố là một bên công tố (§ 124). Tòa án nhận thấy một sự xung đột lợi ích, thiếu tính trung lập đối với các bên, không có năng lực cùng lúc là thẩm phán và một bên tham gia tố tụng. Đây là lý luận cổ điển và đã từng được khẳng định, mặc dù với một cách thiếu chắc chắn hơn, bởi bản án *Huber chống lại Thụy Sĩ* (23/10/1990, § 42 và 43).

Bản án *Medvedyev* sau đó đã được hoàn chỉnh bằng những tuyên bố của bản án *Moulin chống lại Pháp* ngày 23 tháng 11 năm 2010 mà trong đó, Tòa án thống kê những đặc điểm sau đây của Viện Công tố của Pháp: sự phụ thuộc vào quyền hạn theo thứ bậc của một thành viên của cơ quan hành pháp, Chương ấn, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thiếu tính không thể bãi miễn, có nghĩa vụ đưa ra những buộc tội bằng văn bản phù hợp với những chỉ đạo nhận được (§ 56). Do đó, *“Tòa án cho rằng, từ thực tế quy chế của Viện như đã nhắc đến, các thành viên của Viện Công tố, tại Pháp, không thỏa mãn yêu cầu về tính độc lập đối với cơ quan hành pháp, một trong những đảm bảo gắn liền với khái niệm độc lập của thẩm phán, theo một án lệ không đổi, cũng giống như tính công minh”* (§ 57).

Như vậy, phẩm chất thẩm phán của Viện Công tố của Pháp bị đưa ra tranh cãi một cách nghiêm túc.

Nhìn bề ngoài, hệ quả của án lệ này có thể là sự can thiệp của một thẩm phán xét xử ngay giờ bắt giữ đầu tiên, đưa ngay người bị cưỡng chế ra trước thẩm phán. Như vậy, Viện Công tố Pháp có thể sẽ bị tước đi là một trong những trách nhiệm quan trọng của Viện, bởi vì Viện Công tố là người đảm bảo hiến định của các quyền tự do cá nhân, điều này thể hiện đặc biệt trong việc kiểm soát và chỉ đạo điều tra của cảnh sát và trong việc kiểm soát việc tạm giam giữ.

Nhưng theo một số chuyên gia, Tòa án Nhân quyền châu Âu không xem xét lại vai trò của Viện Công tố đối với sự kiểm soát việc tạm giữ. Bởi vì nếu ta xem xét án lệ của Tòa án Nhân quyền châu Âu, đặc biệt là các bản án *Brogan chống lại Vương quốc Anh* (1988) và *McKay chống lại Vương quốc Anh* (2006), có thể xác nhận rằng đối với tòa án, cụm từ “đưa ngay ra thẩm phán” được hiểu là một thời hạn khá gần với 48 giờ tối đa của việc tạm giữ tại Pháp. Ví dụ, trong bản án *Mc Kay*, Tòa án công nhận rằng việc đưa ra trước thẩm phán sau khi tạm giữ 36 giờ phù hợp với những yêu cầu của Công ước. Trong bản án *Brogan*, thời gian 4 ngày và 6 giờ không đưa ra thẩm phán bị tuyên là không phù hợp với Công ước.

Hai vụ kiện này liên quan đến Vương quốc Anh, nơi mà Viện Công tố không kiểm soát việc tạm giữ, trái ngược với hệ thống của Pháp dành cho Viện Công tố độc quyền kiểm soát việc tạm giữ cho đến 48 giờ, thẩm phán về tự do và giam giữ chỉ có thẩm quyền cho phép tạm giam trên 48 giờ đối với những tội phạm nghiêm trọng nhất, đặc biệt là trong lĩnh vực tội phạm có tổ chức và khủng bố.

Ngay cả khi Viện Công tố của Pháp không được Tòa án Nhân quyền châu Âu coi như một thẩm phán thực sự thì việc Viện kiểm soát các biện pháp tạm giữ vẫn hợp pháp, ít nhất là đến giờ giam giữ thứ 36.

Các phương thức kháng tố của Viện Công tố

Viện Công tố có thể tiến hành các phương thức kháng tố nếu Viện nghi ngờ tính thích đáng hoặc tính hợp thức của một quyết định do một thẩm phán đưa ra:

- Kháng nghị phúc thẩm trước Tòa Phúc thẩm để vụ việc được xem xét lại toàn bộ về mặt nội dung và về phương diện pháp luật và để một quyết định mới được đưa ra;
- Kháng nghị giám đốc thẩm trước Tòa Phá án để xem xét, quyết định về sự tôn trọng, tuân thủ pháp luật hoặc trình tự tố tụng.

Hai phương thức kháng tố khác mang tính ngoại lệ, đặc biệt:

- Kháng nghị phá án vì lợi ích của pháp luật: Trong lĩnh vực dân sự và vì lợi ích của pháp luật, nếu Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án biết được rằng một quyết định đã được đưa ra trái với pháp luật, trái với các quy định hoặc thủ tục tố tụng, nhưng các bên không kháng cáo chống lại, Viện trưởng đưa quyết định đó ra Tòa Phá án sau khi hết thời hạn kháng cáo hoặc sau khi quyết định được thi hành (Khoản 1 Điều 17 Luật số 67-523 ngày 3 tháng 7 năm 1967). Việc giám đốc thẩm quyết định đã tuyên không có bất cứ hệ quả nào đối với quyền và nghĩa vụ của các bên và chỉ có mục đích là tránh trường hợp sau này người ta có thể dựa vào quyết định đó trong các những vụ việc khác.

- Kháng nghị lạm quyền: Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể, trong lĩnh vực dân sự, yêu cầu Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Phá án gửi đến Tòa Phá án những văn bản, hành vi mà qua đó, các thẩm phán đã lạm quyền, xâm lấn các thẩm quyền của cơ quan hành pháp hoặc lập pháp. Nếu bị hủy, quyết định không còn được thực thi.

Phần 3. Vai trò của Viện Công tố trong lĩnh vực dân sự

Ngay cả khi vai trò trong lĩnh vực hình sự là chủ đạo và dễ thấy nhất dưới con mắt của công chúng, Viện Công tố còn có nhiều quyền hạn trong lĩnh vực dân sự, cả trong một số thủ tục tố tụng và đối với những ngành nghề tham gia vào lĩnh vực dịch vụ công về pháp luật và công lý.

1. Hoạt Ứng và sñ giám sát cçạ ViçN Công tñ trong các thç tác tñ tăng dân sñ

Trong lĩnh vực dân sự, Viện Công tố có hai nhiệm vụ:

- Về nguyên tắc, Viện không khởi tố; trong một vụ kiện giữa các cá nhân, Viện Công tố chỉ có thể can thiệp với tư cách là “**bên phụ tố**”, có nghĩa là trình bày những nhận xét của Viện trong một vụ việc mà Viện có sự trao đổi. Thông thường, sự can thiệp của Viện Công tố không bắt buộc, nghĩa là Viện Công tố có thể tìm hiểu, quan tâm đến mọi vụ việc mà Viện cho rằng cần phải can thiệp (Điều 426 Bộ luật Tố tụng dân sự). Nhưng đôi khi sự can thiệp của Viện Công tố là bắt buộc: chẳng hạn như trong trường hợp chuyển giao, cung cấp hồ sơ tư pháp, nghĩa là khi thẩm phán tự quyết định cung cấp hồ sơ cho Viện Công tố (Điều 427 Bộ luật Tố tụng dân sự) hoặc trong trường hợp chuyển giao, cung cấp hồ sơ theo quy định của pháp luật. Như vậy, Viện Công tố phải được cung cấp, chuyển giao hồ sơ của: 1) những vụ việc liên quan đến quan hệ giữa cha

mẹ và con theo huyết thống, tổ chức giám hộ trẻ vị thành niên, bắt đầu hoặc thay đổi giám hộ người thành niên; 2) các trình tự thủ tục trong lĩnh vực “*phá sản*”. Viện cũng phải được cung cấp hồ sơ của mọi vụ việc mà trong đó pháp luật – cũng có thể là một nghị định (ví dụ: Điều 798 Bộ luật Tố tụng dân sự, trong lĩnh vực giải quyết việc dân sự) – quy định rằng Viện phải được trình bày ý kiến (Điều 425 Bộ luật Tố tụng dân sự).

- Đôi khi, trong trường hợp ngoại lệ, Viện Công tố tiến hành như một **bên chính tố** (nguyên đơn hoặc bị đơn). Điều 184 Bộ luật Dân sự trao cho Viện quyền kiện yêu cầu tuyên bố hủy việc kết hôn. Một cách cụ thể hơn, việc kết hôn thỏa thuận không có sự tự nguyện của hai vợ chồng có thể bị hủy không chỉ bởi hai vợ chồng hoặc bởi người vợ hay người chồng không tự nguyện kết hôn, mà còn bởi Viện Công tố (Khoản 1 Điều 180 Bộ luật Dân sự, Luật ngày 4/4/2006).

Danh sách các thẩm quyền trong lĩnh vực dân sự của Viện Công tố rất dài và chi tiết và ở đây sẽ chỉ được trình bày một phần.

Viện Công tố can thiệp để bày tỏ ý kiến của Viện và đưa ra những buộc tội, một các bắt buộc, đối với những lĩnh vực sau đây: quan hệ giữa cha mẹ và con theo huyết thống, tổ chức giám hộ trẻ vị thành niên, bắt đầu hoặc thay đổi giám hộ người thành niên, phá sản hoặc phục hồi doanh nghiệp, những thủ tục quy trách nhiệm tính bằng tiền của các giám đốc công ty, các thủ tục phá sản cá nhân và các thủ tục liên quan đến cấm hành nghề do Bộ luật Thương mại quy định.

Trong lĩnh vực luật gia đình và quan hệ giữa cha mẹ và con cái, việc trao đổi hồ sơ với Viện Công tố là bắt buộc đối với: những thủ tục có tính chất thay đổi mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, những tranh cãi về tình trạng nhân thân thực tế của đứa trẻ sinh ra khi cha mẹ không kết hôn, các vụ kiện đòi cấp dưỡng, nuôi con nuôi, thủ tục từ bỏ, ủy quyền hoặc tước toàn bộ hoặc một phần quyền làm cha mẹ, việc thiết lập các mối quan hệ giữa ông bà và cháu, thay đổi chế độ hôn nhân, các yêu cầu vợ/chồng cho phép hoặc trao quyền, các yêu cầu quyết định cho hưởng di sản thừa kế đối với những di sản vô thừa kế do cơ quan Nhà nước trong các lĩnh vực trình để bảo vệ lợi ích của một số người có thể là người thừa kế, việc kiểm tra, xem xét lại những điều kiện hoặc những nghĩa vụ mà di tặng hoặc tài sản tặng cho phải đáp ứng, thực hiện, biện pháp tư pháp hỗ trợ quản lý ngân sách gia đình.

Việc trao đổi hồ sơ với Viện Công tố là bắt buộc đối với bảo trợ giáo dục, để bảo vệ trẻ em đang gặp nguy hiểm. Công tố viên có thể ra lệnh giám sát tạm thời một đứa trẻ đang gặp nguy hiểm, với điều kiện phải đưa ra thẩm phán về trẻ em trong vòng 8 ngày.

Một số yêu cầu trong lĩnh vực tố tụng dân sự phải được trao đổi, chuyển đến Viện

Công tố trong các giả thiết rằng trật tự công hoặc cơ quan tư pháp có thể nhập cuộc. Đó là trường hợp kiện công chứng thư giả mạo chống lại một công chứng thư, rút lại hỗ trợ tư pháp do những khai giả hoặc những giấy tờ không chính xác, yêu cầu xin ý kiến của Tòa Phá án, kháng án tái thẩm, kháng án giám đốc thẩm.

Trong lĩnh vực quốc tịch, Viện Công tố là một bên bắt buộc, hoặc là nguyên đơn hoặc là bị đơn khi một người đòi quốc tịch Pháp hoặc khi Công tố viên nghi ngờ quốc tịch Pháp của một người.

Viện Công tố có nhiệm vụ chung là giám sát về hộ tịch. Viện có thể tiến hành khởi tố để sửa chữa, đính chính những sai sót hoặc thiếu sót không chỉ về nội dung và yêu cầu tiến hành sửa chữa những sai sót hoặc thiếu sót chỉ về nội dung. Viện cũng cần là một bên trong những phiên tòa liên quan đến các yêu cầu thay đổi giới tính. Viện yêu cầu hủy những văn bản hộ tịch được lập một cách gian lận với quy định cấm mang thai hộ. Viện can thiệp vào lĩnh vực tên bằng cách đưa ra tòa án nếu Viện cho rằng các tên của một đứa trẻ trái với lợi ích của nó. Viện can thiệp vào lĩnh vực tên cả trong trường hợp nuôi con nuôi.

Viện Công tố can thiệp vào trong lĩnh vực hôn nhân, Viện có thể phản đối cuộc hôn nhân hoặc ra lệnh hoãn tổ chức lễ cưới trong thời hạn một tháng. Viện cho phép miễn một số điều kiện đối với việc tổ chức lễ cưới trong các trường hợp có lí do quan trọng (độ tuổi hợp pháp tối thiểu, các thủ tục công bố, cho phép kết hôn bên ngoài tòa thị chính).

Nói chung, Viện Công tố có thể yêu cầu trao đổi về mọi vụ việc mà trong đó Viện cho rằng phải can thiệp vào (Điều 426 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Hơn nữa, thẩm phán có thể tự quyết định trao đổi mọi vụ việc với Viện Công tố (Điều 427 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Bên cạnh những trường hợp đặc biệt do luật quy định, Viện Công tố có thể kiện, với tư cách là bên chính tố hoặc bên phụ tố, để bảo vệ trật tự công trong những sự việc xâm phạm đến trật tự công (Điều 423 Bộ luật Tố tụng dân sự). Khi Viện Công tố can thiệp với tư cách là bên phụ tố, Viện chỉ tham gia để bày tỏ ý kiến của mình về việc áp dụng pháp luật (Điều 424 Bộ luật Tố tụng dân sự).

Viện Công tố có thể tiến hành kháng nghị trong một vụ kiện mà Viện không phải là một bên, ngay khi quyết định bị kháng nghị trái với trật tự công.

Công tố viên có một nhiệm vụ chung là thi hành những quyết định tư pháp, dù đó là quyết định hình sự hay dân sự. Một các tổng quát, công tố viên giám sát việc thực thi các phán quyết và những văn bản có hiệu lực thi hành khác. Nếu một thừa phát lại mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng không thể thu hồi lại những khoản nợ cho một chủ nợ, Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm có thể hợp tác để tìm kiếm địa chỉ của con nợ hoặc chủ sử dụng lao động của người đó, bằng cách tra cứu mọi cơ quan nhà nước và mọi tổ chức ngân hàng.

Để thu tiền cấp dưỡng, công tố viên có thể tổ chức thay thế chủ nợ bằng Kho bạc Nhà nước, Kho bạc sẽ áp dụng những biện pháp riêng của mình để thu được tiền cấp dưỡng.

2. Thẩm quyền của Viện Công tố liên quan đến các nghề nghiệp pháp lý và các nghề bổ trợ

Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm kiểm soát tính hợp thức của các cuộc bầu cử thẩm phán Tòa Thương mại sơ thẩm và thẩm phán Tòa Lao động sơ thẩm. Viện trưởng có thể đặt nghi vấn với kết quả các cuộc bầu cử. Viện trưởng tham gia kỉ luật các thẩm phán Tòa Lao động sơ thẩm mắc lỗi.

Viện Công tố có thể đưa ra ý kiến của Viện trong các quá trình kỉ luật liên quan đến các công chứng viên, các thừa phát lại và các chuyên gia đấu giá. Viện Công tố đưa ra những hướng dẫn về các hồ sơ ứng cử viên tới các cơ quan khác nhau thuộc bộ.

Viện Công tố tiến hành giám sát đối với:

- Những người quản lý tài sản và người được ủy quyền tư pháp về phục hồi và thanh lý doanh nghiệp;
- Các luật sư;
- Các kiểm soát viên tài chính.

Viện tham gia tuyển dụng hoặc thành lập danh sách tuyển dụng đối với:

- Các giám định viên tư pháp, Viện cũng đảm bảo việc kỉ luật;
- Các biên phiên dịch viên;
- Các hòa giải viên tư pháp;
- Những người được ủy quyền trong lĩnh vực thủ tục phục hồi cá nhân; - Những người quản lý tài sản tạm thời.

Viện Công tố tuyển dụng những người đại diện và các trung gian hòa giải của Viện trưởng Viện Công tố bên cạnh Tòa Sơ thẩm, những người thực hiện các biện pháp thay thế truy tố do Viện Công tố quyết định và làm việc dưới sự quản lý của Viện.

Kết luận: Hướng đến sửa đổi quy chế của Viện Công tố của Pháp

Trong khi các quyền hạn của Viện Công tố đã được tăng cường một cách đáng kể nhờ các đạo luật liên tiếp thì quy chế của Viện Công tố lại ngày càng gây tranh cãi.

Có quyền tự do quyết định một biện pháp thay thế cho việc truy tố ra trước tòa nhưng các công tố viên của Pháp chỉ quản lý, kiểm soát hơn 49% các vụ việc hình sự. Thậm chí công tố viên của Pháp hướng tới hoạt động như một thẩm phán xét xử sơ thẩm, nếu người bị tố cáo không phản đối quyết định của Viện.

Do đó, các công tố viên của Pháp mong muốn được xem như những thẩm phán thực sự, đáng tôn kính như các thẩm phán xét xử, và không muốn bị cho rằng phải tuân thủ quyền lực chính trị.

Còn lại quyền hạn chỉ đạo điều tra của Viện Công tố cũng chịu những chỉ trích về sự thiếu độc lập. Trên thực tế, đối với một số vụ việc tài chính chính trị, việc Viện Công tố lựa chọn giữ lại quyền chỉ đạo điều tra hơn là giao cho một thẩm phán điều tra hoàn toàn độc lập đã gây nên những nghi ngờ về ý muốn kiểm soát của quyền lực chính trị.

Khi Chính phủ Pháp có thể không tuân theo các ý kiến của Hội đồng thẩm phán tối cao, đối với việc bổ nhiệm các công tố viên hoặc đối với lựa chọn một biện pháp xử phạt kỉ luật dành cho công tố viên, sự phụ thuộc chính trị của Viện Công

tổ còn quá lớn để có thể cho rằng công tố viên của Pháp đưa ra được những đảm bảo đầy đủ đối với các tiêu chí của Tòa án Nhân quyền châu Âu.

Tổng thống mới của Pháp, François Hollande, đã cam kết bổ nhiệm các công tố viên theo trình tự thủ tục giống như các thẩm phán xét xử và cải tổ Hội đồng thẩm phán tối cao để tăng cường sự độc lập của Hội đồng so với quyền lực chính trị. Tổng thống cũng đã cam kết xóa bỏ quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể đưa ra những hướng dẫn bằng văn bản trong những vụ việc cụ thể. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ giữ lại quyền đưa ra những định hướng chung của chính sách hình sự, cùng với nghĩa vụ báo cáo của các Viện Công tố về tình hình thực thi chính sách này tại địa phương.



SOURCE: Tài liệu tham khảo do Nhà Pháp luật Việt-Pháp tổng hợp, biên soạn
Hà Nội, thời điểm lưu trữ: Thứ 2, ngày 17 tháng 12 năm 2012